

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 10/11/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 377/BC-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khóa X, Kỳ

hợp thứ ba thông qua vào ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính, KTNN Khu vực IX;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT/TU, UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành Tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thành phố;
- TT.HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT, KT-NS.

CHỦ TỊCH



Phan Văn Thắng

QUY ĐỊNH

Về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định của Luật ngân sách nhà nước 2015.

Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng

Sở, Ban, Ngành, Đảng, Đoàn thể, các đơn vị dự toán cấp tỉnh; các huyện, thành phố (*gọi chung là cấp huyện*), các xã, phường, thị trấn (*gọi chung là cấp xã*).

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG II

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN

Điều 2. Nguyên tắc, tiêu chí

1. Đảm bảo góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, an sinh xã hội giai đoạn 2022 - 2025 của địa phương, ưu tiên cho những lĩnh vực quan trọng như: giáo dục, đào tạo, dạy nghề; kinh tế...và các xã biên giới trên địa bàn tỉnh.

2. Hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2022 phải phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024 và cả giai đoạn 2022 - 2025.

3. Thúc đẩy cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công trên địa bàn Tỉnh theo Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 19/01/2017 của Ban

Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị, tiết kiệm triệt để chi thường xuyên, thực hiện sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tinh giản biên chế; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính, chuyển đổi đơn vị đối với khu vực sự nghiệp công; tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế xã hội.

4. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính của các Sở, cơ quan cấp tỉnh với yêu cầu triệt để tiết kiệm.

5. Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; có tính ổn định lâu dài của tiêu chí, đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch.

6. Trường hợp huyện, thành phố bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, thì huyện, thành phố phải chủ động sử dụng dự toán ngân sách huyện, thành phố, bao gồm cả dự phòng và các nguồn tài chính hợp pháp theo quy định để khắc phục; trường hợp vượt quá khả năng cân đối của ngân sách huyện, thành phố, ngân sách cấp tỉnh sẽ hỗ trợ cho ngân sách huyện, thành phố.

7. Trường hợp dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước (*không bao gồm chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất*) và dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện, thành phố tính theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức năm 2022 thấp hơn dự toán năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân Tỉnh giao trong phạm vi quy định sẽ được hỗ trợ để không thấp hơn. Đối với số hỗ trợ cân đối chi ngân sách huyện, thành phố, Hội đồng nhân dân cấp huyện được chủ động bố trí cơ cấu chi ngân sách huyện, thành phố năm 2022 theo nguyên tắc triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung nguồn lực tăng chi đầu tư phát triển.

8. Đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đã ban hành và nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng.

9. Định mức dự toán chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể:

a) Về tiêu chí: Căn cứ số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu công chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khối lượng công việc của từng sở, cơ quan cấp tỉnh. Ngoài dự toán chi thường xuyên được phân bổ theo số biên chế, các Sở, cơ quan cấp tỉnh được phân bổ kinh phí để bảo đảm chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định, kinh phí để bảo đảm nhiệm vụ đặc thù cụ thể của từng Sở, cơ quan cấp tỉnh.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế đã bao gồm:

Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan.

Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi xây dựng, rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động kiểm tra, giám sát;

Chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định;

Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

Ngoài ra, bố trí kinh phí cho một số nhiệm vụ không thường xuyên, nhiệm vụ đặc thù của các ngành, lĩnh vực theo quy định, gồm: (1) Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung cho các cơ quan cấp tỉnh, gồm: kinh phí đối ứng của các dự án; chi thuê trụ sở; chi tổ chức Đại hội cấp tỉnh, toàn quốc, chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Ban điều phối, tổ công tác liên ngành được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; chi mua ô tô, sửa chữa lớn trụ sở; (2) Các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt của một số Sở, cơ quan cấp tỉnh: kinh phí hỗ trợ các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc tôn giáo hoạt động tại địa phương; kinh phí bảo đảm kết nối thông tin liên lạc giữa các cơ quan của Đảng, Nhà nước; kinh phí đoàn ra, đoàn vào; chi công tác phí cho các đoàn thanh tra của Thanh tra; chi giám sát, phản biện xã hội, tổ chức các hoạt động phong trào của các tổ chức chính trị - xã hội; chi trang phục theo quy định; các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định; (3) Dự toán chi cho hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở theo quy định tại Quyết định số 99-QĐ-TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương.

Các hội đặc thù, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao và mức chi thường xuyên theo định mức phân bổ, khuyến khích các Sở, cơ quan cấp tỉnh tinh giản biên chế, tiết kiệm chi tiêu để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và tăng chi cho các nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị.

Dự toán chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể điều chỉnh tăng, giảm theo khả năng ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội

đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm.

10. Phân bổ dự toán chi các lĩnh vực sự nghiệp:

a) Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, các quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công. Trong đó: (1) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; (2) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Thực hiện khoán chi ngân sách hỗ trợ giai đoạn 2022-2025 và yêu cầu giảm tối thiểu 15% so với giai đoạn 2017-2021. Đồng thời, yêu cầu dành nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương, ngân sách chỉ hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tối đa theo tỷ lệ ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Được vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể. Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016-2020 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

c) Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công; dành kinh phí để tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi mua sắm sửa chữa và tăng chi đầu tư phát triển, trên cơ sở đó cơ cấu lại các lĩnh vực chi thường xuyên và từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước.

d) Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đầy đủ các quy định về hạch toán, kế toán và quản lý tài chính, có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm và báo cáo quyết toán hằng năm đối với từng nguồn kinh phí theo quy định; gửi cơ

quan quản lý cấp trên hoặc cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp, gửi Sở Tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG III

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYÊN CHO CÁC SỞ, BAN NGÀNH, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ CẤP TỈNH VÀ HUYỆN, THÀNH PHỐ, XÃ PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề đối với ngân sách cấp Tỉnh

1. Sự nghiệp giáo dục:

a) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục theo cơ cấu tỷ lệ:

Cơ cấu dự toán chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục	Tỷ lệ
- Chi lương, các khoản có tính chất lương	81%
- Chi nhiệm vụ giáo dục (không kể nguồn thu học phí)	19%

Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành của sổ biên chế giáo viên các cơ sở giáo dục được cấp có thẩm quyền giao; Tiền lương, phụ cấp của sổ biên chế được cấp có thẩm quyền giao nhưng chưa có mặt tính theo hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ ở mức lương cơ sở hiện hành.

Chi nhiệm vụ giáo dục: (1) Căn cứ tổng dự toán chi cho nhiệm vụ giáo dục phân bổ theo tiêu chí biên chế của các cơ sở giáo dục với mức tối thiểu không thấp hơn 20 triệu đồng/biên chế/năm; (2) Kinh phí dự toán cho chi nhiệm vụ giáo dục còn lại sau khi phân bổ theo tiêu chí biên chế, phân bổ hoạt động chung đảm bảo kinh phí thực hiện các đề án, kế hoạch, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy của ngành; chính sách ưu tiên đối với lĩnh vực giáo dục đã ban hành.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo chế độ quy định, gồm: (1) Bổ sung theo mức lương tối thiểu vùng và các khoản đóng góp theo lương tối thiểu vùng cho số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; (2) Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; (3) Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học; (4) Kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Chính phủ.

2. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

a) Căn cứ tổng dự toán chi thường xuyên theo định mức phân bổ của cấp có thẩm quyền, các đơn vị sự nghiệp công lập phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các Nghị định cơ chế tự chủ của đơn

vị sự nghiệp trong các ngành, lĩnh vực, yêu cầu tăng cường tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp, giảm dần mức hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp theo nguyên tắc phân bổ đối với sự nghiệp công lập nêu trên, dành nguồn lực chuyển sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng hưởng chế độ chính sách do địa phương ban hành.

b) Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị đào tạo trên cơ sở yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ nguồn thu phí của mình để dành nguồn ưu tiên bố trí cho những đơn vị hoạt động chủ yếu bằng nguồn ngân sách nhà nước. Thủ trưởng đơn vị ở cấp tỉnh có trách nhiệm công khai, minh bạch mức kinh phí cấp cho các đơn vị trực thuộc.

Điều 4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề đối với ngân sách cấp huyện

1. Sự nghiệp giáo dục:

a) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục theo cơ cấu tỷ lệ:

Cơ cấu dự toán chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục	Tỷ lệ
- Chi lương, các khoản có tính chất lương	81%
- Chi nhiệm vụ giáo dục (không kể nguồn thu học phí)	19%

Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành của số biên chế giáo viên các cơ sở giáo dục được cấp có thẩm quyền giao; Tiền lương, phụ cấp của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao nhưng chưa có mặt tính theo hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ ở mức lương cơ sở hiện hành.

Tỷ lệ chi nhiệm vụ giáo dục (không kể nguồn thu học phí) 19% bao gồm các hoạt động liên quan đến sự nghiệp giáo dục trên địa bàn huyện. Tùy tình hình thực tế của huyện, thành phố; Hội đồng nhân dân huyện, thành phố ban hành Nghị quyết phân bổ theo tiêu chí biên chế của các cơ sở giáo dục trên địa bàn với mức tối thiểu 20.000.000 đồng/biên chế/năm. Kinh phí còn lại định hướng phân bổ các đề án, kế hoạch giáo dục của ngành theo cấp có thẩm quyền phê duyệt, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy của các cơ sở giáo dục trên địa bàn; chính sách ưu tiên đối với lĩnh vực giáo dục đã ban hành.

Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo chế độ quy định gồm: (1) Bổ sung theo mức lương tối thiểu vùng và các khoản đóng góp theo lương tối thiểu vùng cho số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; (2) Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi; (3) Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; (4) Kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Chính phủ.

2. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

a) Định mức phân bổ theo quỹ lương của khối đào tạo cấp huyện, bao gồm Trung tâm chính trị và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp:

Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao; Tiền lương, phụ cấp của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao nhưng chưa có mặt tính theo hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ ở mức lương cơ sở hiện hành.

b) Định mức phân bổ kinh phí hoạt động: (1) Đối với Trung tâm chính trị và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên 25 triệu đồng/biên chế/năm; (2) Định mức phân bổ chi đào tạo bồi dưỡng chính trị cho các đối tượng trên địa bàn huyện là 12 triệu đồng/ấp, khóm/năm.

c) Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng, phân bổ 20 triệu đồng/trung tâm/năm, bao gồm phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ tham gia vào hoạt động quản lý trung tâm hàng năm.

d) Người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp; Công an viên xã, thị trấn; ấp (khóm) đội trưởng được trợ cấp theo bằng cấp tốt nghiệp từ trung cấp trở lên được quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

1. Phân bổ khám, chữa bệnh, phòng bệnh, y tế xã

a) Căn cứ tổng dự toán chi thường xuyên theo định mức phân bổ của cấp có thẩm quyền, các đơn vị sự nghiệp công lập phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bao gồm chi phí trực tiếp, phụ cấp đặc thù, tiền lương, chi phí quản lý, khấu hao tài sản cố định và chi phí khác theo quy định của pháp luật về giá và các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Tài chính, yêu cầu tăng cường tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp, giảm dần mức hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp theo nguyên tắc phân bổ đối với sự nghiệp công lập nêu trên, dành nguồn lực chuyển sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng hưởng chế độ chính sách do địa phương ban hành.

b) Dự toán phân bổ y tế dự phòng đạt tối thiểu 30% ngân sách y tế, ưu tiên cho y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần và các lĩnh vực khác theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

2. Ngoài ra còn bổ sung kinh phí:

Kinh phí mua Bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

Điều 6. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính cấp Tỉnh

1. Phân bổ kinh phí hoạt động theo chỉ tiêu biên chế cấp Tỉnh:

a) Cơ quan Văn phòng: Tỉnh uỷ, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân Tỉnh định mức 30 triệu đồng/biên chế/năm.

b) Các cơ quan cấp Sở, cơ quan Đảng, đoàn thể cấp Tỉnh; Cơ quan đơn vị hành chính quản lý trực thuộc Sở định mức 25 triệu đồng/biên chế/năm.

c) Đối với cán bộ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ được phân bổ đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

2. Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao; Tiền lương, phụ cấp của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao nhưng chưa có mặt tính theo hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ ở mức lương cơ sở hiện hành.

3. Định mức phân bổ trên là cơ sở để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước theo quy định hiện hành.

4. Đối với chi đảm bảo hoạt động của Văn phòng Tỉnh uỷ, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh được tính trên cơ sở định mức, chế độ, tiêu chuẩn và các nhiệm vụ chi đặc thù của các cơ quan này để xây dựng dự toán chi ngân sách.

5. Đối với Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh được phân bổ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

6. Đối với các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp (*bao gồm các tổ chức không giao biên chế*) được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Điều 7. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính cấp huyện

1. Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế: Các cơ quan quản lý hành chính cấp huyện định mức là 25 triệu đồng/biên chế/năm. Định mức phân bổ được tính theo số biên chế của từng đơn vị được cấp có thẩm quyền giao (*không bao gồm lương và các khoản có tính chất lương*).

a) Phân bổ theo đơn vị hành chính cấp huyện, định mức phân bổ 2.500 triệu đồng/cấp huyện/năm, bao gồm nhiệm vụ đặc thù của các Hội cấp huyện.

b) Đối với cán bộ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ được phân bổ đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

2. Phân bổ theo quỹ lương của quản lý hành chính cấp huyện.

Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao; Tiền lương, phụ cấp của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao nhưng chưa có mặt tính theo hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ ở mức lương cơ sở hiện hành.

3. Đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, định mức phân bổ bao gồm: phụ cấp, bảo hiểm y tế và một số chế độ định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân cấp huyện theo quy định hiện hành.

4. Đối với các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp (*bao gồm các tổ chức không giao biên chế*) được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật được phân bổ thêm 800 triệu đồng/huyện/năm. Giao Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức hỗ trợ phù hợp tính chất hoạt động của từng tổ chức.

5. Đối với Hội có tính chất đặc thù cấp huyện được phân bổ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 8. Chi quản lý hành chính cấp xã

1. Phân bổ kinh phí hoạt động chi quản lý hành chính ở xã, phường, thị trấn: theo tiêu chí định biên của từng loại xã.

a) Phân bổ kinh phí hoạt động (*không bao gồm: lương, các khoản có tính chất lương*) theo số lượng định biên cán bộ chuyên trách, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã của từng loại xã được quy định hiện hành với định mức là 20 triệu đồng/định biên/năm.

Ngoài định mức phân bổ chi theo định biên nêu trên, phân bổ thêm theo đơn vị hành chính cấp xã 530 triệu đồng/xã/năm.

b) Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành của số định biên cán bộ chuyên trách, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã quy định của cấp có thẩm quyền.

c) Đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, định mức phân bổ gồm chi phụ cấp, bảo hiểm y tế và một số chế độ định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân cấp xã theo quy định hiện hành của Nhà nước.

d) Đối với cấp ủy viên, định mức phân bổ bao gồm phụ cấp và một số chế độ định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Đảng theo quy định hiện hành của Nhà nước và chi cho hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở thực hiện theo quy định tại Quyết định số 99-QĐ-TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương.

2 Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

a) Phân bổ theo tiêu chí ấp, khóm với định mức 110 triệu đồng/ấp, khóm/năm trong đó, bao gồm kinh phí bầu cử trưởng, phó, ban thanh tra nhân dân ấp, khóm.

b) Các tổ chức đoàn thể ở xã, phường, thị trấn (*gồm: Hội Khuyến học, Hội Liên hiệp Thanh niên, Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi, Câu Lạc bộ Cựu quân nhân, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát cộng đồng*) phân bổ 30 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

c) Đối với Hội có tính chất đặc thù cấp xã được phân bổ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Các nội dung khác

a) Kinh phí hỗ trợ các Hội không thuộc Hội có tính chất đặc thù được thực hiện theo cơ chế đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

b) Định mức chi quản lý hành chính bao gồm: chế độ hỗ trợ phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập, Hội có tính chất đặc thù được giao biên chế cấp tỉnh, cấp huyện.

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hoá - thông tin

1. Phân bổ chi nhiệm vụ sự nghiệp văn hoá - thông tin theo tiêu chí áp, nhóm

STT	Nội dung	Định mức (triệu đồng/ấp, khóm/năm)
1	Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin cấp Tỉnh	50
2	Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin cấp huyện	30
3	Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin cấp xã	15
Tổng chi sự nghiệp văn hóa - thông tin toàn tỉnh		95

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

Đối với kinh phí thực hiện “*Cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh*”, được hỗ trợ theo quy định gồm: phân bổ thêm 20 triệu đồng/Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp xã/năm; Ban công tác Mặt trận ấp 05 triệu đồng/ấp nội địa dưới 700 hộ dân/năm; 07 triệu đồng/ấp biên giới dưới 700 hộ dân/năm; ấp có số dân tăng thêm 200 hộ được hỗ trợ thêm 01 triệu/ấp theo Nghị quyết số 174/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và ban công tác Mặt trận ở khu dân cư để thực hiện cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình

Phân bổ chi nhiệm vụ sự nghiệp phát thanh, truyền hình theo tiêu chí áp, nhóm:

STT	Nội dung	Định mức (triệu đồng/ấp, khóm/năm)
1	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình cấp Tỉnh	10
2	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình cấp huyện	20
3	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình cấp xã	20

Tổng chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình toàn tỉnh	50
--	-----------

Điều 11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao

Phân bổ chi nhiệm vụ sự nghiệp thể dục thể thao theo tiêu chí áp, khóm

STT	Nội dung	Định mức (triệu đồng/áp, khóm/năm)
1	Chi sự nghiệp thể dục thể thao cấp Tỉnh	20
2	Chi sự nghiệp thể dục thể thao cấp huyện	10
3	Chi sự nghiệp thể dục thể thao cấp xã	10
Tổng chi sự nghiệp thể dục thể thao toàn tỉnh		40

Điều 12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

1. Phân bổ nhiệm vụ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội theo tiêu chí áp, khóm

STT	Nội dung	Định mức (triệu đồng/áp, khóm/năm)
1	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội cấp Tỉnh	60
2	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội cấp huyện	20
3	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội cấp xã	20
Tổng chi sự nghiệp đảm bảo xã hội toàn tỉnh		100

2. Định mức chi phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

a) Đối với kinh phí thực hiện các chế độ bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ được bổ sung theo chế độ quy định.

b) Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ hộ nghèo, hộ chính sách xã hội tiền điện; hỗ trợ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Hỗ trợ các cơ sở bảo trợ xã hội do địa phương quản lý 1.500 triệu đồng/cơ sở/năm.

Điều 13. Định mức phân bổ chi quốc phòng

1. Phân bổ theo tiêu chí áp, khóm

STT	Nội dung	Định mức (triệu đồng/áp, khóm/năm)
1	Chi công tác quốc phòng cấp Tỉnh	60
2	Chi công tác quốc phòng cấp huyện	60
3	Chi công tác quốc phòng cấp xã	30
Tổng chi công tác quốc phòng toàn tỉnh		150

Định mức phân bổ trên (*chưa bao gồm chi trang phục cho dân quân tự vệ, diễn tập khu vực phòng thủ cấp Tỉnh*) để đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng do ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và đảm bảo kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

2. Định mức chi phân bổ theo tiêu chí bổ sung

a) Đối với huyện biên giới, phân bổ thêm kinh phí cho ngân sách cấp huyện với mức 1.500 triệu đồng/xã biên giới/năm. Tùy tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân huyện tham trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định kinh phí phân bổ thêm để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.

b) Đối với lực lượng dân quân, định mức phân bổ theo chế độ phụ cấp trách nhiệm quản lý, chỉ huy đơn vị; theo chế độ phụ cấp thâm niên; theo chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự quy định tại Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

c) Đối với trường hợp phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về quốc phòng; có tổ chức diễn tập phòng thủ khu vực được Quân khu giao, ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 14. Định mức phân bổ chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội

1. Phân bổ theo tiêu chí ấp, khóm

STT	Nội dung	Định mức (triệu đồng/ấp, khóm/năm)
1	Chi công tác an ninh cấp Tỉnh	30
2	Chi công tác an ninh cấp huyện	20
3	Chi công tác an ninh cấp xã	20
Tổng chi công tác an ninh toàn tỉnh		70

Định mức phân bổ trên (chưa bao gồm chi trang phục cho lực lượng công an viên xã) để đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ an ninh do ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

a) Đối với huyện biên giới, phân bổ thêm kinh phí cho ngân sách cấp huyện với mức 1.500 triệu đồng/xã biên giới/năm. Tùy tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định kinh phí phân bổ thêm để thực hiện nhiệm vụ an ninh.

b) Đối với công an viên xã, thị trấn, khóm, ấp (*không là lực lượng chính quy*) bao gồm phụ cấp và các khoản đóng góp được thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

c) Đối với Ban Bảo vệ dân phố, Tổ bảo vệ dân phố được thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

d) Đối với trường hợp phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về an ninh, ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 15. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học công nghệ

Dự toán chi được bố trí theo quy định của Trung ương, định mức phân bổ này áp dụng cho ngân sách cấp tỉnh.

Điều 16. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

1. Phân bổ theo tiêu chí áp, khóm

STT	Nội dung	Định mức (triệu đồng/áp, khóm/năm)
1	Chi sự nghiệp kinh tế cấp tỉnh	300
2	Chi sự nghiệp kinh tế cấp huyện	500
3	Chi sự nghiệp kinh tế cấp xã	200
Tổng chi sự nghiệp Kinh tế toàn tỉnh		1.000

2. Định mức phân bổ theo nhiệm vụ

a) Đối với đô thị loại II, III, IV, V, theo Quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ được phân bổ thêm 85.000 triệu đồng/đô thị loại II/năm; 24.000 triệu đồng/đô thị loại III/năm; 17.000 triệu đồng/đô thị loại IV/năm; 8.500 triệu đồng/đô thị loại V/năm. Riêng đối với kinh phí phân bổ thêm cho đô thị loại V, Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định kinh phí phân bổ thêm cho các xã, thị trấn được cấp có thẩm quyền công nhận đô thị loại V theo tình hình thực tế.

b) Kinh phí sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ; Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa xác định trên cơ sở mức hỗ trợ và diện tích đất trồng lúa Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP được bổ sung có mục tiêu cho các huyện theo Quyết định giao dự toán hàng năm của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

c) Hỗ trợ kinh phí duy tu, sửa chữa đường tuần tra biên giới đất liền địa phương quản lý với mức 30 triệu đồng/Km.

Điều 17. Định mức phân bổ chi sự nghiệp hoạt động môi trường

Phân bổ bằng 01% tổng chi cân đối ngân sách của từng cấp ngân sách.

Điều 18. Mức phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách địa phương

Phân bổ theo tỷ trọng bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã được tính theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho từng cấp ngân sách (từ Điều 3 đến Điều 14 Chương III Quy định này).

Điều 19. Dự phòng ngân sách

Dự phòng ngân sách bố trí 02% tổng chi cân đối ngân sách của từng cấp ngân sách, đảm bảo đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước./.